

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 20 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP QUỐC GIA

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

1. Tên nhiệm vụ, mã số:

- **Quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam.** Mã số: KX.01.45/16-20

- Thuộc Chương trình: Nghiên cứu những vấn đề trọng yếu về khoa học xã hội và nhân văn phục vụ phát triển kinh tế xã hội, Mã số: KX.01/16-20

2. Mục tiêu nhiệm vụ:

2.1. Định hướng mục tiêu

- Làm rõ cơ sở lý luận về quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp.
- Đánh giá thực trạng và nhận diện những khó khăn, thách thức đối với quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay.
- Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu 1: Tổng quan lý luận về quản lý các vấn đề xã hội tại khu công nghiệp, phân tích, đánh giá các quan điểm, nội dung, hình thức, chủ thể, tiêu chí,... quản lý các vấn đề xã hội tại khu công nghiệp ở một số quốc gia trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng.

Mục tiêu 2: Phân tích, đánh giá thực trạng các vấn đề xã hội nảy sinh trong các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay (lao động, việc làm, thu nhập; cư, xuất cư; y tế; giáo dục; nhà ở; tiếp cận thông tin; xung đột lợi ích).

Mục tiêu 3: Đánh giá thực trạng quản lý các vấn đề xã hội tại khu công nghiệp (mô hình quản lý, hành lang pháp lý, nguồn lực và bộ máy tổ chức). Nhận diện những khó khăn, thách thức, các yếu tố tác động đến quản lý các vấn đề xã hội tại khu công nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Mục tiêu 4: Đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Chủ nhiệm nhiệm vụ: ThS, NCS Nguyễn Trung Thành

4. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Viện Khoa học Môi trường và Xã hội

5. Tổng kinh phí thực hiện : 3.000 triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH : 3.000 triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác : 0 triệu đồng.

6. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu : tháng 6/2019

Kết thúc : tháng 11/2020

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu có):

7. Danh sách thành viên chính thực hiện nhiệm vụ nêu trên gồm:

TT	Họ và tên	Chức danh khoa học	Cơ quan công tác
1	Nguyễn Trung Thành	ThS, NCS	PVT Viện Khoa học Môi trường và Xã hội, Tổng Biên tập Tạp chí Tri thức Xanh
2	Nguyễn Văn Thuận	TS	Nguyên Chủ nhiệm ủy ban pháp luật của Quốc hội
3	Nguyễn Đức Bách	PGS.TS	Viện trưởng Viện Khoa học Môi trường và Xã hội
4	Bùi Sỹ Lợi	TS	Phó chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội - Quốc hội
5	Lê Ngọc Hùng	GS.TS	Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội
6	Đỗ Quang Hưng	GS.TS	Đại học Quốc gia Hà Nội
7	Trần Vi Dân	PGS.TS	Giám đốc Học viện Chính trị Công an nhân dân
8	Lương Quỳnh Khuê	PGS.TS	Viện KH Môi trường và Xã hội
9	Đào Quang Vinh	TS	Nguyên Viện trưởng Viện KH Lao động và Xã hội
10	Nguyễn Ngọc Toán	TS	Phó Cục trưởng Cục Bảo trợ xã hội - Bộ LĐTB&XH
11	Nguyễn Xuân Thủy	TS	Học viện Cảnh sát Nhân dân

12	Đỗ Đức Minh	PGS.TS	Khoa Luật – Đại học QGHN
13	Nguyễn Văn Mạnh	PGS.TS	Viện Nhà nước và Pháp luật – Học viện Chính trị QG HCM
14	Nguyễn Việt Định	TS	Học viện Hành chính quốc gia
15	Tạ Thị Hương	TS	Học viện Hành chính quốc gia
16	Lê Quang Long	TS	Ban Quản lý các KCN&CX HN
17	Nguyễn Lê Thạch	TS	Học viện chính trị khu vực I
18	Lã Trường Anh	TS	Viện Nhà nước và Pháp luật
19	Trần Lệ Thu	TS	Trường Đại học Tài Nguyên và Môi trường Hà Nội
20	Nguyễn Đình Phúc	ThS	Viện KH Môi trường và Xã hội
21	Phan Văn Sáng	ThS	Viện KH Môi trường và Xã hội
22	Lương Văn Liệu	ThS	Học viện Hành chính quốc gia
23	Hoàng Thị Hường	ThS	Viện KH Môi trường và Xã hội
24	Nhà báo Bùi Thị Hôn	CN	Viện KH Môi trường và Xã hội
25	Nhà báo Lê Thị Nhung	CN	Viện KH Môi trường và Xã hội
26	Vũ Thị Huyền	CN	Viện KH Môi trường và Xã hội

II. Nội dung tự đánh giá về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

1. Về sản phẩm khoa học:

1.1. Danh mục sản phẩm đã hoàn thành:

Số TT	Tên sản phẩm	Số lượng			Khối lượng			Chất lượng		
		Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt	Xuất sắc	Đạt	Không đạt
Dạng I: Sản phẩm chính										
1	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu		X			X			X	
2	Báo cáo tóm tắt		X			X			X	
3	Báo cáo khuyến nghị		X			X			X	
Dạng II: Sản phẩm trung gian										
1	02 Kỳ yếu hội thảo khoa học		X			X			X	
2	05 Báo cáo nội dung nghiên cứu và hệ thống các chuyên đề (37 chuyên đề)		X			X			X	
3	01 Báo cáo trao đổi kinh nghiệm quốc tế tại Malaysia		X			X			X	
4	01 Báo cáo tổng thuật tài liệu		X			X			X	
5	01 Báo cáo xử lý số liệu điều tra khảo sát		X			X			X	
Dạng III: Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác										
1	06 bài báo trên tạp chí chuyên ngành trong nước		X			X			X	
2	01 Sách chuyên khảo (bản thảo)		X			X			X	
3	Hỗ trợ đào tạo sau đại học: 1 Tiến sĩ, 2 Thạc sĩ		X			X			X	

1.2. Danh mục sản phẩm khoa học dự kiến ứng dụng, chuyển giao (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian dự kiến ứng dụng	Cơ quan dự kiến ứng dụng	Ghi chú
1	Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu		<ul style="list-style-type: none"> + Ủy ban Về các vấn đề xã hội - Quốc hội + Bộ Lao động thương binh và Xã hội + Bộ Kế hoạch và Đầu tư + Tổng liên đoàn lao động Việt Nam 	
2	Sách chuyên khảo	Sau khi nghiệm thu cấp quốc gia	<ul style="list-style-type: none"> - Gửi đến các đại biểu tham gia Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng - Các cơ quan quản lý nhà nước ở TW, địa phương - Một số học viện, trường đại học trong cả nước - Thư viện Quốc hội - Trung tâm Thư viện Quốc gia Việt Nam 	

1.3. Danh mục sản phẩm khoa học đã được ứng dụng (nếu có):

Số TT	Tên sản phẩm	Thời gian ứng dụng	Tên cơ quan ứng dụng	Ghi chú
1	Báo cáo kiến nghị	Tháng 10 - 11/2020	<ul style="list-style-type: none"> + Ủy ban Về các vấn đề xã hội - Quốc hội + Vụ Khoa giáo Văn xã - Văn phòng Chính phủ + Bộ Lao động thương binh và Xã hội + Bộ Kế hoạch và Đầu tư + Tổng liên đoàn lao động Việt Nam 	
2	Kỷ yếu Hội thảo khoa học		Chuyển giao cho một số đại biểu (số đại biểu tham dự Hội thảo và một số đại biểu khác thuộc các cơ quan quản lý nhà nước): Bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Bộ Kế hoạch và Đầu	

			tu; Tổng Liên đoàn lao động; Tổng cục giáo dục nghề nghiệp;...; Một số Viện nghiên cứu và trường đại học
3	Hỗ trợ đào tạo	Năm 2019 - 2020	- Học viện Khoa học Xã hội - Khoa Luật - ĐH Quốc gia Hà Nội - Học viện Hành chính quốc gia
4	Bài báo	Tháng 8, 9,10,11/2020	Tạp chí Nghiên cứu Lập Pháp Tạp chí Kiểm sát Tạp chí Cộng sản Tạp chí Quản lý Nhà nước

2. Về những đóng góp mới của nhiệm vụ:

- Về mặt lý luận: Trên cơ sở khảo cứu các công trình khoa học trước đó, Đề tài đã phát triển, làm rõ được khái niệm, cũng như luận giải về vị trí, vai trò về KCN, các vấn đề xã hội, quản lý các vấn đề xã hội tại các KCN; xác định được chủ thể, nội dung, nguyên tắc, cũng như tính đặc thù, tính phổ biến trong quản lý các vấn đề xã hội tại các KCN ở Việt Nam hiện nay.

- Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của Đề tài:

+ Khảo cứu kinh nghiệm trong quản lý các vấn đề xã hội của một số quốc gia trên thế giới (Malaysia; Thái Lan, Indonesia; Trung Quốc;...) và rút ra những bài học kinh nghiệm cho Việt Nam trong giải quyết vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp.

+ Đánh giá được thực trạng quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp; nhận diện những khó khăn, thách thức trong quản lý các vấn đề xã hội đang diễn ra hiện nay,... đây là những căn cứ quan trọng, là cơ sở thực tiễn để nhận diện, đánh giá các vấn đề đang tồn tại trên cơ sở đó xây dựng, hoàn thiện những quyết sách phù hợp để giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội đang diễn ra trong quá trình hội nhập và phát triển như hiện nay.

+ Đề xuất hệ thống quan điểm, giải pháp, các kiến nghị cụ thể nhằm nâng cao hiệu quả quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay.

3. Về hiệu quả của nhiệm vụ:

3.1. Hiệu quả kinh tế

- Góp phần đẩy mạnh phát triển kinh tế, nâng cao năng suất lao động, thúc đẩy quá trình hội nhập và phát triển, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào phát triển các khu công nghiệp.

- Các kết quả nghiên cứu của đề tài khi được ứng dụng vào thực tiễn sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, từng bước đáp ứng ngày càng đầy đủ hơn nhu cầu vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân; tạo lập điều kiện để mọi người và mọi cộng đồng trong xã hội có cơ hội bình đẳng để phát triển, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội.

3.2. Hiệu quả xã hội

- Đóng góp luận cứ khoa học, khách quan từ lý luận đến thực tiễn và đề xuất quan điểm, chủ trương, chính sách có liên quan đến phát triển kinh tế - xã hội, phát triển khu công nghiệp; quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp; phát triển nguồn nhân lực lao động; thực hiện an sinh xã hội và phúc lợi xã hội đối với lao động tại các khu công nghiệp;...

- Kết quả nghiên cứu của đề tài khi được ứng dụng vào thực tiễn sẽ làm rõ: những vấn đề lý luận về quản lý xã hội và quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp; Kinh nghiệm quốc tế về quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp và gợi mở những bài học cho Việt Nam; Thực trạng quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp của Việt Nam; Nhận diện những khó khăn, thách thức đối với quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay; Các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam trong thời gian tới.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho các cơ quan xây dựng, hoạch định, hoàn thiện cơ chế chính sách về phát triển khu công nghiệp; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp; giải quyết tốt các vấn đề xã hội tại các khu công nghiệp ở Việt Nam hiện nay; thực hiện có hiệu quả an sinh xã hội, phúc lợi xã hội đối với người lao động khu công nghiệp.

- Góp phần tạo sự chuyển biến về nhận thức, sự nhất quán về thể chế; tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; Phát huy vai trò của các tổ chức Đảng, Công đoàn và Đoàn thanh niên, hội phụ nữ... trong khu công nghiệp; Tăng cường phối hợp giữa nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức xã hộ đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế và xã hội.

- Kết quả nghiên cứu của Đề tài đóng góp luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng và thực thi đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong quản lý và giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình đẩy mạnh và phát triển các khu công nghiệp nói riêng và phát triển đất nước nói chung.

- Kết quả nghiên cứu của đề tài là cơ sở dữ liệu, tài liệu tham khảo, cung cấp luận cứ khoa học và thực tiễn cho các cơ quan có thẩm quyền trong xây dựng thực hiện pháp luật nhằm đảm bảo quản lý và giải quyết tốt các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển các khu công nghiệp.

III. Tự đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

1. Về tiến độ thực hiện: (đánh dấu ✓ vào ô tương ứng):

- Nộp hồ sơ đúng hạn
- Nộp chậm từ trên 30 ngày đến 06 tháng
- Nộp hồ sơ chậm trên 06 tháng

2. Về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Xuất sắc
- Đạt
- Không đạt

Giải thích lý do:

- Tiến độ thực hiện đúng hạn.
- Báo cáo tổng hợp và các nội dung nghiên cứu: Đảm bảo tính đầy đủ, logic, rõ ràng, bám sát yêu cầu đặt hàng.
- Số liệu, tư liệu đảm bảo tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật;
- Về sản phẩm của nhiệm vụ so với đặt hàng: Đảm bảo đúng, đủ và vượt số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; so với đặt hàng.
- Tác động và hiệu quả ứng dụng của đề tài rộng, tác động lớn đến kinh tế, xã hội

Cam đoan nội dung của Báo cáo là trung thực; Chủ nhiệm và các thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ không sử dụng kết quả nghiên cứu của người khác trái với quy định của pháp luật.

VIỆN KHOA HỌC MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ



ThS, NCS Nguyễn Trung Thành

VIỆN TRƯỞNG



PGS.TS Nguyễn Đức Bách